

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HS-ST
Ngày 20-02-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Phong Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Kim Liên

Ông Nguyễn Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đại Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Khương Văn T, sinh ngày 17 tháng 10 năm 198A tại Nam Định; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 221 H, phường C, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 3A/286 H, phường C, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khương Xuân T và bà Dương Thị N; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Có 01 tiền sự đã xóa (năm 2013 đi cai nghiện bắt buộc tại trại Tiên Lãng đến năm 2015 về địa phương), là đối tượng nghiện ma túy; bị tạm giữ ngày 10/11/2018; tạm giam ngày 19/11/2018; có mặt.

Bị hại: Chị Phạm Thị G, sinh năm 199B; nơi cư trú: Hợp Hưng, Tây Hưng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Huy T, sinh năm 197C; nơi cư trú: Số 365 T, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 09/11/2018 Khương Văn T đi bộ một mình đến khu vực trước cửa số nhà 106 N, phường C, Quận Lê Chân, Hải Phòng thì phát hiện có một chiếc xe máy điện nhãn hiệu: Đkbike, loại xe: Roma, màu sơn đen (xe không đeo biển kiểm soát) của chị G đang dựng cạnh một gốc cây, đầu xe quay về phía cửa nhà số 106 N. T quan sát không thấy có người trông coi xe nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên để bán lấy tiền tiêu xài. T tiến lại xe máy điện, dùng tay dắt xe máy điện xuống lòng đường Nguyễn Đức Cảnh rồi dắt bộ đi về hướng cầu Tam Bạc. Sau đó T đem xe máy điện vừa lấy được đến cửa hàng mua bán xe máy điện số 365 T, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng bán cho anh Nguyễn Huy T (chủ cửa hàng mua bán xe máy điện) được 3.500.000đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng) và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 10 tháng 11 năm 2018 Khương Văn T bị bắt theo lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp của Cơ quan CSĐT Công an Quận Lê Chân về hành vi trộm cắp tài sản. Tại cơ quan điều tra T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung trên.

Tại cơ quan điều tra, chị Phạm Thị G trình bày: Chị G có dựng một chiếc xe máy điện nhãn hiệu: Đkbike, loại xe: Roma, màu sơn đen trước cửa nhà số 106 N, phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Hải Phòng, đến khoảng 19 giờ 15 phút cùng ngày chị G phát hiện chiếc xe của mình bị mất, chị G có kiểm tra lại dữ liệu Camera bảo vệ thì thấy có một người nam giới đã lấy chiếc xe trên, chị G đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc. Hiện chị G đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Huy T trình bày: Khi anh T mua chiếc xe máy điện của T, anh T có hỏi T về nguồn gốc xe thì T nói là “Bán hộ xe cho em gái”, do tin tưởng nên anh T đồng ý mua với giá 3.500.000đồng. Anh T không biết chiếc xe máy điện trên do T trộm cắp mà có. Sau khi được Cơ quan Công an thông báo anh T đã tự nguyện giao nộp chiếc xe máy điện trên cho cơ quan Công an. Anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền trên và không có yêu cầu gì khác.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 108/KL-ĐGTTHS ngày 10/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS Quận Lê Chân kết luận “ Giá trị còn lại của chiếc xe máy điện nhãn hiệu: Đkbike, loại xe: Roma, màu sơn đen mà Toàn chiếm đoạt của chị G là 6.000.000đ (sáu triệu đồng)”.

Tại Bản cáo trạng số 36/CT-VKSLC ngày 16/01/2019, Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân truy tố bị cáo Khương Văn T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của chị G như nội dung cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung bản cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Khương Văn T mức án tù từ 12 đến 15 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại là chị Phạm Thị G, chị G không còn yêu cầu gì khác, nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

Đối với Nguyễn Huy T chủ cửa hàng mua bán xe máy điện số 365 T, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng không biết chiếc xe máy điện do T trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý, số tiền 3.500.000 đồng anh T không yêu cầu T phải bồi thường nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí lệ phí của Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghe đại diện Viện Kiểm sát luận tội, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và tại lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức hình phạt thấp nhất để sớm trở về hòa đồng với xã hội và cải tạo thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận Lê Chân, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang; phù hợp với vật chứng thu giữ; Bản kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 108/KL-ĐGTTTHS ngày 10/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS Quận Lê Chân; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa; lời khai đó khẳng định: Ngày 09/11/2018 Khương Văn T đã lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là chiếc xe máy điện nhãn hiệu: Đkbike, loại xe: Roma, màu sơn đen đã qua sử dụng trị giá 6.000.000đồng của chị G tại khu vực nhà số 106 N, phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Hải phòng.

[3] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân truy tố bị cáo Khương Văn T theo tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, nên cần xử lý nghiêm.

- Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo Khương Văn T không có tình tiết tăng nặng TNHS, nhân thân bị cáo có 01 tiền sự đã xóa, hiện là đối tượng nghiện chất ma túy, cần buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Bị cáo Khương Văn T phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, đây là các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng để giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì ngoài hình phạt chính bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

[8] Đối với tài sản bị cáo Khương Văn T chiếm đoạt của chị Phạm Thị G là 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu: Đkbike, loại xe: Roma, màu sơn đen, chị G đã

nhận lại tài sản trên và không có yêu cầu bồi thường gì khác. Như vậy trách nhiệm bồi thường dân sự đối với chị G đã được giải quyết xong, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Huy T, số tiền 3.500.000 đồng anh T bỏ ra để mua chiếc xe máy điện do bị cáo trộm cắp, anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên HĐXX không xem xét, giải quyết

[13] Đối với số tiền 3.500.000đ (là tiền Khương Văn T bán chiếc xe máy điện của chị G cho anh T). Xét đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự buộc bị cáo Khương Văn T phải nộp lại để nộp ngân sách nhà nước

[20] Đối với hành mua tài sản của anh Nguyễn Huy T, do T không nói và anh T không biết đó là tài sản do Toàn trộm cắp mà có. Khi được Cơ quan Công an thông báo, anh T đã tự nguyện giao nộp số tài sản. Vì vậy không đủ căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Huy T về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[22] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Khương Văn T 12 (mười hai) tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 10 tháng 11 năm 2018.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự :

Buộc bị cáo Khương Văn T phải nộp 3.500.000đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng) là tiền do bị cáo phạm tội mà có để nộp ngân sách nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Khương Văn T chưa thi hành khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Khương Văn T phải nộp 200.000đồng (hai trăm ngàn đồng) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Quận Lê Chân;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- CQCS điều tra CA Q. Lê Chân;
- CQ THAHS Q. Lê Chân;
- Trại tạm giam CATP Hải Phòng;
- UBND xã (nơi BC cư trú);
- Chi cục THADS Quận Lê Chân;
- PV 27 CATP Hải Phòng;
- STP TP. Hải Phòng.
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Phong Lan

